

Phụ lục 3

**Tình hình sử dụng thuốc Gói số 3 (Gói thầu Vị thuốc cổ truyền)
theo kết quả đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương từ Quý 2/2022 đến hết Quý 4/2023**

(Báo cáo sử dụng từ ngày 01/4/2022 đến ngày 31/12/2022)

Số TT	Đơn vị	Kết quả trúng thầu		Mặt hàng thuốc đã mua		Giá trị đã mua		Mặt hàng thuốc đã sử dụng		Giá trị đã sử dụng	
		Số lượng (mặt hàng)	Giá trị (VND)	Số lượng (mặt hàng)	Tỷ lệ so với trúng thầu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ so với trúng thầu (%)	Số lượng (mặt hàng)	Tỷ lệ so với trúng thầu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ so với trúng thầu (%)
1	BV ĐK Tỉnh	48	461.126.100	42	87,50	163.564.700	35,47	42	87,50	147.440.700	31,97
2	BV ĐKKV Bồng Sơn	65	4.183.309.550	63	96,92	1.146.643.200	27,41	62	95,38	804.896.093	19,24
3	BV YHCT & PHCN	69	4.047.960.860	58	84,06	810.200.500	20,02	60	86,96	607.397.291	15,01
4	TTYT Quy Nhơn	65	2.075.066.500	27	41,54	53.665.600	2,59	26	40,00	29.631.343	1,43
5	TTYT Tuy Phước	41	192.070.700	39	95,12	42.399.750	22,08	35	85,37	23.692.500	12,34
6	TTYT An Nhơn	41	160.111.950	37	90,24	27.876.350	17,41	26	63,41	9.082.965	5,67
7	TTYT Phù Cát	22	168.853.150	16	72,73	25.423.300	15,06	10	45,45	5.258.981	3,11
8	TTYT Phù Mỹ	44	2.119.627.950	44	100,00	651.070.110	30,72	44	100,00	572.453.899	27,01
9	TTYT Hoài Nhơn	59	173.682.000	47	79,66	44.685.700	25,73	39	66,10	17.230.940	9,92
10	TTYT Tây Sơn	54	217.671.000	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	TTYT Vân Canh	58	64.775.000	56	96,55	32.755.875	50,57	56	96,55	28.428.940	43,89
12	TTYT Vĩnh Thạnh	33	131.264.500	-	0,00	-	0,00	-	0,00	-	0,00
13	Bệnh viện Quân Y 13	49	302.591.700	35	71,43	46.338.850	15,31	34	69,39	24.220.264	8,00
14	Bệnh viện Hòa Bình	42	351.569.500	28	66,67	114.716.600	32,63	32	76,19	87.228.406	24,81
	Tổng:		13.995.519.260			2.998.285.085	21,42			2.245.513.652	16,04